

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST

Ngày 12 tháng 6 năm 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VINH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Công Sinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Trung

Bà Đỗ Thị Thu Hương.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà:** Bà Vũ Thị Phương Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V- Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số 2 L, phường T, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Đăng K - Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Lập Thạch - Vĩnh Phúc (Văn bản uỷ quyền số: 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022).

Người đại diện theo uỷ quyền lại của ông K: Ông Nguyễn Công H - Giám đốc Phòng Giao dịch Triệu Đề (Văn bản uỷ quyền số 170/NHN<sup>o</sup>.LT.QĐUQ ngày 20/4/2022) (có mặt).

Địa chỉ: Xã T, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

**2. Bị đơn:** Bà Trần Thị N, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã S, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi ở hiện nay: Thôn V, xã T, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

3.1, Ông Hoàng Tuấn A, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

3.2, Bà Tạ Thị T, sinh năm 1941 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Q, xã S, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Công H trình bày:

Ngày 22/12/2011, Phòng giao dịch T - Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng tín dụng số: 2808-LVA-201104743. Theo hợp đồng tín dụng này thì Ngân hàng cho bà Trần Thị N vay vốn hạn mức tối đa là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thời hạn cho vay 12 tháng, mục đích sử dụng tiền vay là: Kinh doanh: Chăn dê, áo mưa, bạt cây, lãi suất cho vay khi nhận nợ là 19%/năm; lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thực hiện hợp đồng tín dụng trên Ngân hàng đã giải ngân cho bà Trần Thị N vay tiền ngay bà N đã nhận đủ số tiền được vay, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà N đã trả được tiền gốc và tiền lãi và được ngân hàng cho gia hạn theo đề nghị của bà Trần Thị N tại đơn đề nghị gia hạn hạn mức tín dụng. Bà N đã nhận đủ 1.000.000.000 đồng tiền gốc thể hiện tại giấy nhận nợ ngày 20/12/2012.

Để đảm bảo khoản vay trên bà Trần Thị N đã thế chấp tài sản tại hợp đồng thế chấp tài sản số 226 ngày 21/12/2011. Tài sản thế chấp là thửa đất số 332, tờ bản đồ số 13, diện tích 50m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 671555 vào sổ cấp GCN số: CH02081/QSĐĐ số 1717/QĐ-UBND, nơi cấp: Ủy ban nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 28/10/2010 đứng tên bà Trần Thị N. Địa chỉ thửa đất: Thôn V, xã T, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất: 01 nhà xây 4,5 tầng diện tích khoảng 240m<sup>2</sup> và toàn bộ tài sản trên đất. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22/12/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lập Thạch.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà Trần Thị N mới trả được cho Ngân hàng tiền lãi là 257.138.884 đồng. Số tiền gốc bà N không trả được cho ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã ký tiếp các phụ lục hợp đồng và cho gia hạn đến ngày 22/12/2014 nhưng bà N vẫn không trả được tiền gốc theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng. Ngày 10/6/2015 bà N đã làm đơn tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp tại ngân hàng để ngân hàng toàn quyền xử lý bán trả nợ cho ngân hàng. Ngày 31/3/2017 sau 06 lần bán đấu giá, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản Vĩnh Phúc đã bán tài sản thế chấp của bà Trần Thị N tại ngân hàng với giá 950.000.000 đồng. Ngày 18/4/2017 ông Hoàng Tuấn A chồng bà N đã bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để giao cho người mua được tài sản. Số tiền bán đấu giá tài sản sau khi trừ đi chi phí cho Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản Vĩnh Phúc 29.409.000 đồng còn lại 920.591.000 đồng. Ngân hàng đã thu vào tiền gốc. Tính đến ngày 20/4/2022 bà N còn nợ Ngân hàng số tiền 195.374.000 đồng, trong đó nợ gốc là 79.409.000 đồng và nợ lãi là 115.965.000 đồng. Đến nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị N phải trả cho Ngân hàng tiền gốc là 79.409.000 đồng. Đối với số tiền lãi Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp bà Trần Thị N chậm trả tiền gốc cho ngân hàng thì đề nghị Tòa án tuyên bà N phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Trần Thị N Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng bà N không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, tại biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2022 bà N trình bày: Khoảng năm 2011, 2012 bà đứng ra vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc - Phòng giao dịch T số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) mục đích vay là Kinh doanh: Chăn độn, áo mưa, bạt cây, thời hạn vay 12 tháng. Tài sản thế chấp là thửa đất số 332, tờ bản đồ số 13, diện tích 50m<sup>2</sup> và nhà ở trên đất. Hàng năm bà vẫn thanh toán đầy đủ tiền gốc và tiền lãi cho ngân hàng rồi tiếp tục vay lại. Đến cuối năm 2014 do kinh tế khó khăn nên không thể thanh toán tiếp số tiền vay cho ngân hàng như hợp đồng tín dụng bà đã viết giấy xin khất và gia hạn thanh toán với ngân hàng để ngân hàng giãn nợ cho bà được trả dần. Khoảng năm 2015 bà đi làm xa thỉnh thoảng mới về nhà, bà có xuống ngân hàng làm đơn với ngân hàng đề nghị cho trả dần khoản nợ. Sau đó chồng bà thông báo ngân hàng sẽ phát mại tài sản thế chấp và bà đã làm đơn với ngân hàng đồng ý phát mại tài sản nhưng giá trị phát mại phải là 1.300.000.000 đồng vì xung quanh hàng xóm rất nhiều người muốn mua giá đó. Tuy nhiên sau đó ngân hàng tự ý phát mại tài sản của bà với giá chưa đến 1.000.000.000 đồng. Bà không đồng ý. Ngân hàng có nhờ chồng bà là ông Hoàng Tuấn A ký một số giấy tờ còn thực tế bà không được trực tiếp nhận bất cứ giấy tờ hoặc thông báo nào của ngân hàng, cũng không được nhận thông báo các chi phí phát sinh trong quá trình phát mại cũng như số nợ gốc còn lại sau khi bán tài sản. Bà không đồng ý trả số nợ tiền gốc còn lại theo yêu cầu của Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2022 ông Hoàng Tuấn A chồng bà N trình bày: Bà N vay tiền ngân hàng để kinh doanh ông có ký hợp đồng thế chấp tài sản nhưng việc kinh doanh của bà N là kinh doanh riêng, ông không tham gia cũng không liên quan. Năm 2017 bà N đi làm ăn xa không có nhà nên ngân hàng có nhờ ông ký hộ biên bản bàn giao tài sản để phát mại sau đó ông đồng ý ký nhưng ngân hàng không gửi lại biên bản này cho gia đình ông. Quá trình ngân hàng bán đấu giá tài sản vợ chồng ông không có mặt. Sau khi đấu giá xong ngân hàng cũng không gửi bất kỳ giấy tờ văn bản gì cho vợ chồng ông. Đầu năm 2022 cán bộ ngân hàng đến gặp bà N nhưng trao đổi nội dung gì ông không biết. Ông xác định không liên quan gì đến việc Ngân hàng và bà N vay nợ hay còn nợ lại tiền vay nên ngân hàng khởi kiện bà N ông đề nghị bà N tự giải quyết.

Lời khai bà Tạ Thị T trình bày: Bà là mẹ chồng chị N, việc chị N vay tiền của ngân hàng như thế nào bà không biết, cũng không ký bất kỳ giấy tờ gì liên quan đến việc vay ngân hàng, đề nghị Tòa án không báo gọi bà vì bà không liên quan, đối với ông Hoàng K chồng bà đã chết, ông K cũng không liên quan gì đến việc chị N vay tiền ngân hàng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải

quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện bà Trần Thị N bị đơn có địa chỉ tại xã S, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc trả nợ số tiền vay còn nợ của hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 20/12/2011 bà Trần Thị N ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà N không trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng nên Ngân hàng đã xử lý tài sản bảo đảm theo đề nghị của bà N. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án thụ lý vụ án về dân sự, sau đó Ngân hàng cung cấp giấy phép kinh doanh của bà N nên Tòa án chuyển vụ án sang thành vụ án Kinh doanh thương mại tuy nhiên tại phiên tòa Ngân hàng cũng thừa nhận thời hiệu khởi kiện vụ án về kinh doanh thương mại đã hết và tự nguyện chỉ yêu cầu bà N trả nợ tiền gốc của hợp đồng tín dụng, không yêu cầu trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp kiện đòi tài sản.

[2] Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Quan hệ vay tài sản giữa nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam với bị đơn bà Trần Thị N phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Do bị đơn vi phạm thỏa thuận nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng và đề nghị Ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ nên Ngân hàng đã xử lý tài sản bảo đảm theo đề nghị của bà N, sau khi xử lý tài sản bảo đảm Ngân hàng chỉ khởi kiện yêu cầu bà N trả nợ số tiền gốc còn lại của Hợp đồng tín dụng và không yêu cầu trả tiền lãi. Vì vậy, pháp luật được áp dụng để giải quyết trong vụ án là Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Ngày 22/12/2011, bà Trần Thị N ký hợp đồng tín dụng số 2808-LVA-201104743 với Ngân hàng. Theo hợp đồng tín dụng này thì Ngân hàng cho bà Trần Thị N vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thời hạn cho vay 12 tháng, mục đích sử dụng tiền vay là: Kinh doanh: Chăn

đệm, áo mưa, bạt cây, lãi suất cho vay khi nhận nợ là 14%/năm; lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản thế chấp là thửa đất số 332, tờ bản đồ số 13, diện tích 50m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 671555 vào sổ cấp GCN số: CH02081/QSĐĐ số 1717/QĐ-UBND, nơi cấp: Ủy ban nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 28/10/2010 mang tên bà Trần Thị N. Địa chỉ thửa đất: Thôn V, xã T, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất: 01 nhà xây 4,5 tầng diện tích khoảng 240m<sup>2</sup> và toàn bộ tài sản trên đất. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22/12/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lập Thạch. Thực hiện hợp đồng tín dụng trên Ngân hàng đã giải ngân cho bà Trần Thị N vay tiền ngay, quá trình thực hiện hợp đồng bà N đã trả được tiền gốc và tiền lãi và được ngân hàng cho vay lại và cho gia hạn theo đề nghị của bà Trần Thị N tại đơn đề nghị gia hạn hạn mức tín dụng. Bà N đã nhận đủ 1.000.000.000 đồng thể hiện tại giấy nhận nợ ngày 20/12/2012. Bà N mới trả được cho Ngân hàng tiền lãi là 257.138.884 đồng. Số tiền gốc bà N không trả được cho ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã ký tiếp các phụ lục hợp đồng và cho gia hạn đến ngày 22/12/2014 nhưng bà N vẫn không trả được tiền gốc theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng. Ngày 10/6/2015 bà N đã làm đơn tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp tại Ngân hàng để Ngân hàng toàn quyền xử lý bán trả nợ cho Ngân hàng. Ngày 31/3/2017, sau 06 lần tổ chức bán đấu giá tài sản, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản Vĩnh Phúc đã bán tài sản thế chấp của bà Trần Thị N tại Ngân hàng với giá 950.000.000 đồng. Ngày 18/4/2017 ông Hoàng Tuấn A chồng bà N đã bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để giao cho người mua được tài sản. Số tiền bán đấu giá tài sản sau khi trừ đi chi phí cho Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản Vĩnh Phúc 29.409.000 đồng còn lại 920.591.000 đồng. Ngân hàng đã thu vào tiền gốc. Tính đến ngày 20/4/2022 bà N còn nợ Ngân hàng số tiền 195.374.000 đồng, trong đó nợ gốc là 79.409.000 đồng và nợ lãi là 115.965.000 đồng. Đến nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị N phải trả cho Ngân hàng tiền gốc là 79.409.000 đồng. Đối với số tiền lãi Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Số tiền bán tài sản đảm bảo không đủ trả nợ tiền gốc. Do bà Trần Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị N phải trả tiền gốc còn nợ lại của hợp đồng tín dụng là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu này của Ngân hàng. Đối với số tiền lãi của hợp đồng tín dụng Ngân hàng tự nguyện không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về phía bà Trần Thị N thừa nhận việc ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản và việc thực hiện hợp đồng như đại diện ngân hàng trình bày là đúng, do không có khả năng trả nợ và không thể tự bán được tài sản thế chấp nên ngày 10/6/2015 bà N đã làm đơn với ngân hàng đồng ý phát mại tài sản để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Bà N cho rằng giá trị phát mại phải là 1.300.000.000 đồng vì xung quanh hàng xóm rất nhiều người muốn mua giá đó nhưng bà cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì thể hiện là chỉ đồng ý phát mại với giá

1.300.000.000 đồng. Bà N cho rằng ngân hàng tự ý phát mại tài sản của bà với giá chưa đến 1.000.000.000 đồng là không có căn cứ bởi lẽ, gia đình bà Nhận đã tự thông báo bán tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng nhưng vẫn chưa bán được, sau khi bà N có đơn tự nguyện bàn giao tài sản cho Ngân hàng để Ngân hàng toàn quyền xử lý. Ngân hàng đã ký hợp đồng với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản Vĩnh Phúc về việc bán đấu giá tài sản và phải qua 06 lần tổ chức bán đấu giá tài sản thì mới có người mua trúng đấu giá tài sản. Như vậy việc bà N tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp cho ngân hàng và Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản Vĩnh Phúc bán đấu giá tài sản thế chấp của bà N là đúng pháp luật. Sau khi trừ đi các chi phí cho việc bán đấu giá tài sản Ngân hàng đã thu vào tiền gốc. Quá trình bán đấu giá tài sản bà N đã được Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản Vĩnh Phúc thông báo theo đúng quy định của pháp luật về quyền ưu tiên mua lại tài sản nhưng bà N và gia đình không ai có ý kiến gì. Mặt khác bà N không đồng ý với kết quả bán đấu giá thì bà N và ông Hoàng Tuấn A chồng bà N còn có quyền khiếu nại về trình tự thủ tục bán đấu giá tài sản nhưng cũng không có ai khiếu nại gì. Về tư cách người vay tiền mặc dù hợp đồng tín dụng ghi hộ gia đình ông Hoàng K nhưng chỉ có một mình bà N là người trực tiếp ký hợp đồng tín dụng, không có văn bản ủy quyền của những người trong hộ gia đình ông Hoàng K, bà N nhận tiền từ Ngân hàng và sử dụng vốn vào việc kinh doanh của mình, giấy chứng nhận kinh doanh cũng chỉ cấp cho bà Trần Thị N. Xác minh tại Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Lập Thạch thì giấy đăng ký kinh doanh cấp cho hộ kinh doanh cá thể là bà Trần Thị N không phải hộ kinh doanh gia đình. Lời khai bà Tạ Thị T cũng khẳng định không liên quan gì đến việc kinh doanh của bà N, xác minh tại Ủy ban nhân dân xã S thì tại thời điểm vay vốn vợ chồng ông K, bà T không ở chung cùng bà N, ông K, bà T tuổi đã cao không tham gia kinh doanh gì, bà N kinh doanh tại xã T không kinh doanh ở xã S. Lời khai ông Hoàng Tuấn A chồng bà N cũng khẳng định ông không kinh doanh cùng bà N. Do vậy Hội đồng xét xử xác định tư cách người vay tiền là bà Trần Thị N không phải hộ kinh doanh như trong hợp đồng tín dụng ghi. Do số tiền bán đấu giá tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ tiền gốc của hợp đồng tín dụng nên cần buộc bà Trần Thị N phải trả số tiền gốc còn nợ là 79.409.000 đồng cho Ngân hàng theo đúng như thỏa thuận tại Điều 4.3.7 của Hợp đồng thế chấp tài sản số: 226 ngày 21/12/2011 mà bà Trần Thị N đã ký với Ngân hàng.

Đối với lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ, do tại phiên tòa bà N vắng mặt nên các bên không thỏa thuận được; mặc dù trong Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng phương thức áp dụng lãi suất theo thỏa thuận của các bên là áp dụng lãi suất thả nổi, định kỳ thay đổi 03 tháng/lần và tại giấy nhận nợ ngày 20/12/2012 các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay là 14%/năm; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn nên mức lãi suất thỏa thuận nêu trên không phù hợp với quy định của pháp luật hiện nay được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định

của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong bà N còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật là 79.409.000 đồng x 5% = 3.970.000 đồng, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 166, 274, 275, 280, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1, Buộc bà Trần Thị N phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc còn nợ lại của hợp đồng tín dụng số: 2808-LVA-201104743 ngày 22/12/2011 số tiền là 79.409.000 đồng (Bảy mươi chín triệu bốn trăm linh chín nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu 3.970.000 đồng (Ba triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí. Hoàn trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam 1.985.000 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0006403 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lập Thạch.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Công Sinh**